

Số: 32/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 03 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị T.** Sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Bàn Văn Ph.** Sinh năm 1986. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.** Hội sở chính: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Đại diện hợp pháp: Ông Trần Trọng Ng – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn Ph.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn Ph thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn Ph có 02 con chung là Bàn Thị P sinh ngày 13/11/2009 và Bàn Văn H sinh ngày 22/01/2011, hai con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn, anh Bàn Văn Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của các con). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ph không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản chung:* Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn Ph không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về vay nợ chung:* Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn Ph và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thỏa thuận: Sau ly hôn, chị T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*) của Chương trình cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số QĐ54 và lãi phát sinh – mã món vay là 6600000703951646, anh Ph có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) của Chương trình cho vay hộ nghèo và lãi phát sinh – mã món vay là 6600000705713388 tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B.

2.5. *Về án phí:* Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn Ph thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí. Trả lại cho chị Triệu Thị T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08715 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã V;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có QLVNQLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lý Thị Thúy

